Tiết 4 §4.phép cộng và phép trừ số tự nhiên

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Nhận biết được số hạng, tổng, số bị trừ, số trừ, hiệu.

Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng.

2. Kỹ năng: Tính được tổng hiệu của hai số tự nhiện bằng cách đặt phép tính.

Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn.

3. Phẩm chất: bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.

4. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

CHUẨN BỊ:

1. Chuẩn bị của giáo viên

- GV:Sgk, Sgv, các dạng toán, các bảng vẽ sẵn các tia số minh họa.

2. Chuẩn bị của học sinh

- HS: Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán 6

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP :

A. KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG 1. Tình huống xuất phát (mở đầu)

a. Mục tiêu:Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng phép tính cộng trừ.

b.Nội dung:Biết cộng, trừ hai số tự nhiên.

c. Sản phẩm: Hs tính được số tiền Mai đi mua

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS đọc bài toán mở đầu: Mai đi chợ mua cà tím hết 18000 đồng, mua cà chua hết 21000 đồng, rau hết 30000 đồng. Mai đưa cô bán hàng tờ 100 000 đồng thì trả lại được bao nhiêu tiền?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chú ý lắng nghe, thảo luận 2 bạn cùng bàn và trả lời câu hỏi.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

HOẠT ĐỘNG 2.Phép cộng số tự nhiên

a. Mục tiêu: Hs được ôn lại kiến thức về tổng của hai số tự nhiên, minh họa phép cộng nhờ tia số, kiểm tra khả năng, vận dụng phép cộng của HS. Giúp Hs hình thành thói quen quan sát, lập kế hoạch tính toán hợp lí.

b.Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu giáo viên.

c.Sản phẩm: Kết quả của HS

d.Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập.

- GV: giới thiệu phép cộng hai số tự nhiên a và b, ta được số tự nhiên c gọi là tổng của chúng.

- GV cho ví dụ để HS áp dụng tính: “Lớp 6/1 có 19 nam, 22 nữ. Vậy tổng số HS của lớp là bao nhiêu?”

Yêu cầu HS đọc và làm bài tập. HS đứng tại chỗ trả lời.

- GV phân tích minh họa phép cộng bằng tia số thông qua ví dụ 3 + 4 ở SGK

\_ GV yêu cầu HS làm vận dụng 1 . HS đọc đề, sau đó thảo luận 2 bạn cùng bàn.

+ GV cho HS tìm hiểu tính chất của phép cộng lần lượt theo cácHĐ1; HĐ2trong SGK.

 + GV chia lớp thành 4 nhóm. Hai nhóm tiến hành HĐ1 và HĐ2. Hai nhóm còn lại làm các HĐ tương tự với a = 35; b =41 (HĐ1)

 và a = 15; b = 27; c =31 (cho HĐ2)

HĐ1: Cho a = 28 và b = 34

a) Tính a + b và b + a

b) So sánh kết quả nhận được ở câu a)

HĐ2: Cho a = 17, b =21, c =35

a) Tính (a + b) + c và a + (b + c)

b) So sánh kết quả nhận được ở câu a).

+ GV đặt câu hỏi: Các kết quả cho thấy phép cộng có những tính chất nào?

=> GV tổng quát tới hai tính chất của phép cộng.

+ GV lưu ý cho HS trong phần Chú ý.

+ GV phân tích Ví dụ trong SGK tr16

+ GV yêu cầu HS làm Luyện tập 1

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu HDD1, HĐ 2 theo nhóm.

+ GV: quan sát và trợ giúp HS

Bước 3: Báo cáo thảo luận

+HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

Bước 4: Kết luận và nhận định

GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. 1. Phép cộng số tự nhiên:

 a. Cộng hai số tự nhiên:

\* Với a, b là hai số tự nhiên

 a + b = c

(Số hạng) + (số hạng) = (tổng)

\* Vận dụng 1:

Giải: Diện tích gieo trồng lúa vụ Thu Đông năm 2018 của đồng bằng sông Cửu Long là:

713 200 + 14 500 = 727700 (ha)

b. Tính chất của phép cộng:

- Giao hoán: a + b = b + a

- Kết hợp: (a + b) + c = a + (b + c)

Chú ý: Tổng (a + b) + c hay a + (b + c) gọi là tổng của 3 số a, b, c và viết gọn là a + b + c.

Ví dụ:

a/66 + 289 + 134 + 311

= 66 + 134 + 289 + 311 (tính chất giao hoán)

= (66 + 134) + (289 + 311)(tính chất kết hợp)

= 200 + 600 = 800

b/ 117 + 68 + 23

= (117 + 23) + 68

= 140 + 68

= 208

HOẠT ĐỘNG 2.Phép trừ hai số tự nhiên

a. Mục tiêu:

+ Giúp HS nhớ, nhận biết lại và sử dụng được các thuật ngữ: số bị trừ, số trừ, hiệu.

+ Minh họa phép trừ nhờ tia số.

+ Củng cố kiến thức.

+ Giải quyết được bài toán mở đầu.

b.Nội dung:HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c.Sản phẩm:HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

d.Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS SẢN PHẨM DỰ KIẾN

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV cho HS thực hiện lần lượt các yêu cầu sau:

Tính : a) 3 + 4 ; b) 7 – 4.

HS rút ra nhận xét, GV khái quát lại.

Áp dụng: 27 + 25 = 52. Tính 52 – 27.

+ GV phân tích và minh họa phép trừ nhờ tia số

VD: 7 – 4 = 3 được minh họa như sau:

 2. Phép trừ số tự nhiên

+ Với hai số tự nhiên a, b đã cho, nếu có số tự nhiên c sao cho a = b + c thì ta có phép trừ a – b = c.

\* Chú ý: Trong tập hợp số tự nhiên, phép trừ a – b chỉ thực hiên được nếu:

+ GV lưu ý: Hình 1.8 cho thấy phép trừ 7 – 8 không thể thực hiện phép tính

Từ đó GV thiệu vào Chú ý

+ GV yêu cầu HS làm Luyện tập 2. 1 HS lên bảng HS khác tự làm vào vở.

(GV gợi ý HS có thể đặt tính. Nhắc HS trước khi đặt tính cần xem phép trừ có thực hiện được không).

+GV yêu cầu HS làm Vận dụng 2: Giải bài toán mở đầu. (phân tích, gợi ý tính tổng số tiền Mai phải trả)

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.

+ GV: quan sát và trợ giúp HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại

 a  b

Luyện tập 2

865 279 – 45 027 = 820 252

Vận dụng 2:

Giải:

Tổng số tiền Mai phải trả là:

18 + 21 + 30 = 69 ( nghìn đồng )

Mai được trả lại số tiền là:

100 - 69 = 31 ( nghìn đồng)

Đ/s: 31 000 đồng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: Bài 1.17 ; 1.18 ; 1.22

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

Bài 1.17 :

a) 63 548 + 19 256 = 82804

b) 129 107 – 34 693 không thể thực hiện được trong tập số tự nhiên. Vì 129 107 < 34 693.

Bài 1.18 :6 789 ( sử dụng tính chất giao hoán của phép cộng)

Bài 1.22 :

a) 285 + 470 + 115 + 230 b) 571 + 216 + 129 + 124

= (285 + 115) + (470 + 230) = ( 571 + 129) + ( 216 + 124)

= 400 + 700 = 700 + 340

= 1100 = 1040

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :Bài 1.20 ; 1.21

Bài 1.20 :

Dân số Việt Nam năm 2020 là :

96 462 106 + 876 473 = 97 338 579 (người)

Bài 1.21 :

Nhà ga số 3 tiếp nhận được số người là :

22 851 200 – ( 6 526 300 + 3 514 500) = 12 810 400 (người)

Đáp số : 12 810 400 người

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm Bài 1.19.

- Chuẩn bị bài mới “ Phép nhân và phép chia số tự nhiên”